

SỞ GD & ĐT TỈNH LÂM ĐỒNG  
TRƯỜNG PHỔ THÔNG DÂN TỘC  
NỘI TRÚ THCS VÀ THPT CƯ JÚT  
Số: 44 /QĐ-DTNTCJ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Cư Jút, ngày 31 tháng 07 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH**

V/v công khai giảm dự toán ngân sách nhà nước năm 2026  
của Trường PTDTNT THCS và THPT Cư Jút

**HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG PTDTNT THCS VÀ THPT CƯ JÚT**

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 03 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 26/2026/TT-BTC ngày 25 tháng 03 năm 2026 của Bộ Tài chính hướng quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 2383/QĐ-SGDĐT ngày 23/07/2026 của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Lâm Đồng về việc giảm dự toán ngân sách nhà nước năm 2026.  
Theo đề nghị của bộ phận Kế toán

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công khai giảm dự toán ngân sách nhà nước năm 2026 của Trường phổ thông dân tộc nội trú THCS và THPT Cư Jút (theo biểu số 74 đính kèm).

**Điều 2.** Tổ Văn phòng, Kế toán và các bộ phận liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 2;
- Công thông tin điện tử Trường PTDTNT THCS và THPT Cư Jút;
- Lưu: VT, KT.



**HIỆU TRƯỞNG**

Nguyễn Viết Thanh

Đơn vị: Trường PTDTNT THCS VÀ THPT CƯ JÚT

Mẫu biểu số 74

Chương: 422

**DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026**

(Kèm theo Quyết định số 117/QĐ-DTNTCT, ngày 31/07/2026  
của Trường PTDTNT THCS VÀ THPT Cư Jút)

(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách)

Đơn vị tính: đồng

| STT        | Nội dung                                                                    | Dự toán được giao<br>(giảm dự toán) |
|------------|-----------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------|
| 1          | 2                                                                           | 3                                   |
| <b>A</b>   | <b>Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí</b>                          |                                     |
| <b>I</b>   | <b>Số thu phí, lệ phí</b>                                                   |                                     |
| 1          | Lệ phí                                                                      |                                     |
| 2          | Phí                                                                         |                                     |
| <b>II</b>  | <b>Chi từ nguồn thu phí được để lại</b>                                     |                                     |
| <b>1</b>   | <b>Chi sự nghiệp.....</b>                                                   |                                     |
| a          | Kinh phí thường xuyên giao tự chủ                                           |                                     |
| b          | Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ                                     |                                     |
| <b>2</b>   | <b>Chi quản lý hành chính</b>                                               |                                     |
| a          | Kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ                                       |                                     |
| b          | Kinh phí không giao thực hiện chế độ tự chủ                                 |                                     |
| <b>III</b> | <b>Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số</b> |                                     |
| <b>1</b>   | <b>Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ</b>                       |                                     |
| <b>2</b>   | <b>Phí</b>                                                                  |                                     |
| <b>B</b>   | <b>Dự toán chi ngân sách nhà nước</b>                                       | - 493.345.674                       |
| <b>1</b>   | <b>Nguồn ngân sách trong nước</b>                                           |                                     |
| <b>1</b>   | <b>Chi quản lý hành chính</b>                                               |                                     |
| 1.1        | Kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ                                       |                                     |
| 1.2        | Kinh phí không giao thực hiện chế độ tự chủ                                 |                                     |
| <b>2</b>   | <b>Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số</b> |                                     |
| 2.1        | Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ                              |                                     |
| 2.2        | Kinh phí thường xuyên giao tự chủ                                           |                                     |
| 2.3        | Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ                                     |                                     |
| <b>3</b>   | <b>Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo</b>                                      | - 493.345.674                       |
| <b>3.1</b> | <b>Kinh phí thường xuyên giao tự chủ</b>                                    | - 493.345.674                       |
|            | - NSNN hỗ trợ chi thường xuyên cho đơn vị sự nghiệp công lập                | -434.665.792                        |



*Handwritten signature*

| STT        | Nội dung                                                             | Dự toán được giao<br>(giảm dự toán)<br>-58.679.882 |
|------------|----------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------|
|            | - Chi hoạt động thường xuyên                                         | -                                                  |
| <b>3.2</b> | <b>Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ</b>                       |                                                    |
| II         | Nguồn vốn viện trợ                                                   |                                                    |
| 1          | Chi quản lý hành chính                                               |                                                    |
| 2          | Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số |                                                    |
| 3          | Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo                                      |                                                    |
| 4          | Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình                               |                                                    |
| 5          | Chi bảo đảm xã hội                                                   |                                                    |
| 6          | Chi hoạt động kinh tế                                                |                                                    |
| 7          | Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường                                      |                                                    |
| 8          | Chi sự nghiệp văn hóa thông tin                                      |                                                    |
| 9          | Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn                     |                                                    |
| 10         | Chi sự nghiệp thể dục thể thao                                       |                                                    |
| III        | Nguồn vay nợ nước ngoài                                              |                                                    |
| 1          | Chi quản lý hành chính                                               |                                                    |
| 2          | Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số |                                                    |
| 3          | Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề                          |                                                    |
| 4          | Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình                               |                                                    |
| 5          | Chi bảo đảm xã hội                                                   |                                                    |
| 6          | Chi hoạt động kinh tế                                                |                                                    |
| 7          | Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường                                      |                                                    |
| 8          | Chi sự nghiệp văn hóa thông tin                                      |                                                    |
| 9          | Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn                     |                                                    |
| 10         | Chi sự nghiệp thể dục thể thao                                       |                                                    |

Ngày 31 tháng 07 năm 2026

Thủ trưởng đơn vị

(Chữ ký, dấu)



Nguyễn Việt Thanh